

UBND TỈNH BẮC NINH
SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH
VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024

Số: /KH-SLĐTBXH

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XX) Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”

Thực hiện Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh về Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU ngày 09/4/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh (Khóa XX) Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”

Sở Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Quán triệt các quan điểm, mục tiêu, yêu cầu và nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Kế hoạch số 19-KH/TW ngày 27/11/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU, ngày 09/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ, Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới”, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của các tổ chức trong hệ thống chính trị về lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và cụ thể hoá chính sách, nâng cao chất lượng chính sách xã hội theo hướng toàn diện, hiện đại, bao trùm, bền vững.

- Phát huy tinh thần gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới; gắn với trách nhiệm của cá nhân, nhất là người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác trong phạm vi chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền của

các phòng, đơn vị; nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong công tác triển khai, thực hiện.

- Cụ thể hoá các nhiệm vụ chuyên môn của gắn với công tác tại Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh và các nhiệm vụ, giải pháp phải bám sát các nội dung của Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU, ngày 09/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đảm bảo đồng bộ, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm, khả thi, hiệu quả; xác định rõ nhiệm vụ của các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai thực hiện.

- Chủ động huy động sử dụng nguồn lực đúng mục tiêu, phù hợp với khả năng của địa phương, nâng cao hiệu quả hợp tác giữa nhà nước, tư nhân, tổ chức xã hội, cộng đồng và Nhân dân trong quản lý, phát triển xã hội bền vững phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Các phòng, đơn vị, toàn thể công chức, viên chức và người lao động trực thuộc Sở bám sát nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU, ngày 09/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh để triển khai thực hiện nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, đồng bộ từ tỉnh đến cơ sở, phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi địa phương, đơn vị; huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; sự tham gia tích cực, chủ động, hiệu quả của các tầng lớp Nhân dân.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Trưởng phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức phổ biến, quán triệt nhiệm vụ đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong đơn vị thuộc Sở từng bước xây dựng kế hoạch phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng phòng, ban, đơn vị và triển khai thực hiện nghiêm túc, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của ngành xây dựng; gắn trách nhiệm của cá nhân, nhất là người đứng đầu với kết quả thực hiện nhiệm vụ về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của các cơ quan, đơn vị thực thi công vụ.

- Các Chi uỷ chi bộ, Công đoàn ngành, Đoàn thanh niên Sở tổ chức phổ biến, quán triệt pháp luật về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới trong các cuộc họp chi bộ, họp đoàn thể tại cơ quan, đơn vị, đảm bảo tất cả cán bộ, công chức, viên chức và người lao động biết và thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

- Trong quá trình triển khai phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, đơn vị và các Sở, ban, ngành liên quan, chính quyền địa phương các cấp; cán bộ,

công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, đơn vị thuộc Sở phải gương mẫu đi đầu trong việc chấp hành các quy định của pháp luật.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2030

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống chính sách an sinh xã hội đa tầng, toàn diện, hiện đại, bao trùm bền vững; không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân, tạo cơ hội cho Nhân dân.

Phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiệu quả, hội nhập quốc tế gắn với việc làm bền vững, nâng cao chất lượng quản lý phát triển xã hội gắn với bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Đẩy mạnh các hoạt động, đảm bảo đa số người dân có việc làm bền vững, người dân được bình đẳng tiếp cận, thụ hưởng hệ thống các dịch vụ xã hội của tỉnh về y tế, giáo dục đào tạo, giao thông vận tải, văn hóa, thể thao, thông tin, cung cấp điện, nước sinh hoạt, nhà ở, môi trường...

2. Các chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Bảo đảm 100% người có công và gia đình người có công với cách mạng được chăm lo toàn diện cả vật chất và tinh thần, có mức sống từ trung bình khá trở lên so với mức sống của cộng đồng dân cư nơi cư trú. 100% xã phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh liệt sỹ; 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện được hưởng trợ cấp hàng tháng; 100% đối tượng bảo trợ xã hội đủ điều kiện, có nhu cầu được tiếp nhận và chăm sóc nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 90%. Trong đó, lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 55%, lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 95%.

- Phân đầu thu hút 50%-55% học sinh trung học và hệ thống giáo dục nghề nghiệp, đào tạo thường xuyên cho khoảng 50% lực lượng lao động trên địa bàn tỉnh. Xây dựng 02 trường cao đẳng đạt trường chất lượng cao cùng một số cơ sở GDNN khác trên địa bàn tỉnh tiếp cận trình độ các nước ASEAN-4, G20, có trên 20 ngành nghề trọng điểm, trong đó có 2 – 3 ngành nghề có năng lực cạnh tranh vượt trội trong khu vực và thế giới, đến năm 2045 hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn đáp ứng nhu cầu nhân lực có kỹ năng nghề cao của một nước phát triển, đạt trình độ tiên tiến của thế giới.

- Tỷ lệ thất nghiệp chung ở mức dưới 2%, tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị còn 1,3%.

- Đến năm 2025, tỉnh Bắc Ninh không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Trung ương và của tỉnh giai đoạn 2021-2025, tỷ lệ hộ nghèo là 0%.

- Tuổi thọ trung bình người dân tỉnh Bắc Ninh đạt 76 tuổi; Đạt 38 giường bệnh và 15 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98% dân số. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt trên 98%; giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm dưới 3,0%.

- Mở rộng mạng lưới cơ sở an sinh xã hội, bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bảo đảm 100% đối tượng bảo trợ xã hội được hưởng chính sách trợ giúp xã hội. Đến năm

2030, toàn tỉnh Bắc Ninh có ít nhất 07 cơ sở an sinh xã hội, trong đó có 04 cơ sở công lập và 03 cơ sở ngoài công lập.

3. Tầm nhìn đến năm 2045

Bắc Ninh là thành phố trực thuộc trung ương, thuộc nhóm địa phương đứng đầu cả nước về quy mô kinh tế; là thành phố xanh, thông minh, hiện đại, đáng sống với trình độ phát triển cao, mang đậm bản sắc văn hóa Bắc Ninh - Kinh Bắc. Người dân được thụ hưởng các dịch vụ xã hội và chất lượng cuộc sống ngang với các nước phát triển trong khu vực châu Á và trở thành một tỉnh có hệ thống chính sách xã hội phát triển toàn diện, bền vững, tiến bộ và công bằng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội cho Nhân dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước và xây dựng con người Việt Nam toàn diện.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước được giao, các phòng, đơn vị trực thuộc Sở; Phòng Lao động – TB và XH các huyện, thị xã, thành phố bám sát định hướng, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU, ngày 15/4/2024 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW và Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh tập trung chỉ đạo, tổ chức triển khai đầy đủ, toàn diện, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

1. Các Chi bộ thuộc Đảng ủy Sở Lao động – TB và XH, các phòng chuyên môn, đơn vị, tổ chức đoàn thể trực thuộc Sở tổ chức phổ biến, quán triệt nội dung nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, trước hết là tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, công chức, viên chức và người dân nơi cư trú nâng cao nhận thức chính trị, đề cao tinh thần trách nhiệm, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội gắn với việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới (Các Chi bộ, phòng, ban, đơn vị thuộc Sở thực hiện).

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức nghiên cứu, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng, đầy đủ nội dung Nghị quyết số 42-NQ/TW, Chương trình hành động số 71-CT/TU của Tỉnh ủy. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về vai trò đặc biệt quan trọng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của chính sách xã hội trong giai đoạn mới. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tạo chuyển biến sâu sắc về nhận thức, trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp Nhân dân về

chính sách an sinh xã hội, khơi dậy tinh thần tự vươn lên của người dân và huy động nguồn lực thực hiện mục tiêu đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Xây dựng, nhân bản, phát hành tài liệu truyền thông với nội dung và hình thức phù hợp với mọi đối tượng, chú trọng người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, người yếu thế; hướng dẫn truyền thông về chính sách xã hội. Thường xuyên giới thiệu, tuyên truyền, biểu dương để nhân rộng những tấm gương tiêu biểu, những mô hình tốt, cách làm hay và tấm gương tiêu biểu đóng góp vào thực hiện chính sách xã hội.

- Xây dựng hướng dẫn khen thưởng; thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng khi tổng kết thực hiện Nghị quyết 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII; Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU, ngày thángnăm 2024 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh biểu dương các tổ chức, cá nhân thực hiện tốt chính sách xã hội, tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến”.

2. Nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý nhà nước về chính sách xã hội

- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở theo chức năng, nhiệm vụ chủ động tham mưu thực hiện chính sách xã hội với khả năng, điều kiện phát triển kinh tế, bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản tối thiểu cho người dân; đẩy mạnh xã hội hóa huy động nguồn lực để thực hiện chính sách xã hội ngày càng tốt hơn. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nhằm nâng cao ý thức, nhận thức cho công chức, viên chức, người lao động và nhân dân đối với các Nghị quyết về thực hiện chính sách xã hội. Lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; đảm bảo ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh nguồn nước; phòng, chống dịch bệnh; bảo vệ môi trường.

- Tham mưu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án chủ yếu theo Kế hoạch của UBND triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

- Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bảo đảm công khai, minh bạch, nêu cao trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ tỉnh đến xã; Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, đánh giá định kỳ việc thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm hành vi trục lợi chính sách, vi phạm pháp luật; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong việc thực hiện chính sách xã hội. Lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

- Hiện đại hoá công tác quản lý nhà nước; đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh xã

hội cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Đẩy mạnh công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

- Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hoá, hợp tác công - tư trong thực hiện chính sách xã hội.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

- Tổ chức thực hiện tốt các chính sách, chế độ ưu đãi người có công theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào Đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc đời sống thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, huy động mọi nguồn lực trong xã hội, cộng đồng cùng nhà nước chăm sóc tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người có công với cách mạng. Thực hiện tốt Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng.

- Tiếp tục khuyến khích tổ chức, cá nhân và toàn xã hội thực hiện các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, phát huy truyền thống đạo lý "Uống nước nhớ nguồn", tích cực xây dựng, tu bổ, tôn tạo mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ, các công trình ghi công liệt sĩ. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ cải thiện nhà ở đối với người có công, rà soát năm bắt kịp thời về thực trạng nhà ở của người có công để có kế hoạch huy động các nguồn lực cùng nguồn ngân sách Nhà nước để thực hiện hỗ trợ nhà ở cho người có công trong giai đoạn tiếp theo.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tiếp tục số hóa hồ sơ người có công, đảm bảo nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công toàn trình, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong lĩnh vực người có công trên địa bàn toàn tỉnh. Đồng thời lan tỏa những thông điệp nhân văn, những chính sách ưu việt của Đảng, Nhà nước đối với người có công với cách mạng qua các chương trình truyền hình, phát thanh, các kênh tương tác trên môi trường số.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật đối với người có công, nâng cao vai trò của mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân trong công tác chăm sóc người có công, kiến nghị giải quyết những vấn đề vướng mắc còn tồn đọng trong việc thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

4.1. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Đẩy mạnh việc thực hiện Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 13/8/2021 của Tỉnh ủy Bắc Ninh về việc học tập và triển khai thực hiện chuyên đề toàn khóa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng về việc “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý thức tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc*”; Kết luận số 42-KL/TU ngày 04/12/2020 của Tỉnh ủy về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 31/8/2016 của Tỉnh ủy về “*Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống, truyền thống văn hóa cho thế hệ trẻ tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2020 - 2030*”.

- Đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng có quy mô, cơ cấu, phân bố hợp lý, cân bằng tỉ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên. Nâng cao chất lượng dân số, tận dụng hiệu quả thời kỳ dân số vàng.

- Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hoá, đa dạng hoá phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục đào tạo, đào tạo.

- Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho học sinh, thanh niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp.

- Đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục đào tạo; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời.

- Đẩy mạnh đào tạo, đào tạo lại ngành nghề phù hợp cho lực lượng lao động, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế.

- Tiếp tục đẩy nhanh xã hội hoá giáo dục nghề nghiệp; đa dạng hoá chủ thể tham gia đào tạo, quy định trách nhiệm và khuyến khích doanh nghiệp đào tạo nghề cho người lao động.

- Thực hiện đào tạo nghề gắn với nhu cầu sử dụng; tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo cho phụ nữ, lao động nông thôn, người khuyết tật tham gia học các chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng, trong đó ưu tiên người khuyết tật và các đối tượng là người thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động nữ bị mất việc làm.

- Đầu tư xây dựng, chuyển đổi trường Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh thành trường Cao đẳng đa ngành để thực hiện đào tạo nhân lực có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Cùng cố và hoàn thiện mạng lưới các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ cho khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Duy trì và củng cố hoạt động của 03 trung tâm cấp tỉnh (02 trung tâm Giáo dục thường xuyên, 01 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên tỉnh), 05 trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện.

4.2. Phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiện đại, hiệu quả và bền vững

- Triển khai các giải pháp phát triển thị trường lao động theo hướng linh hoạt, hội nhập, hiệu quả, đồng bộ với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Vận hành sàn giao dịch việc làm công khai, minh bạch, bảo đảm lợi ích hợp pháp của người lao động; phòng chống các hành vi tiêu cực, vi phạm pháp luật trong thực hiện các dịch vụ liên quan đến thị trường lao động như tư vấn, giới thiệu việc làm, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, cho thuê lại lao động....

- Xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ; tăng cường đối thoại, thương lượng, ký kết lao động tập thể trong doanh nghiệp, giải quyết tranh chấp lao động đúng pháp luật.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động, đặc biệt trong các lĩnh vực có nguy cơ cao trong các nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm đe dọa đến sức khỏe, tính mạng của người lao động.

- Hiện đại hóa, chuyển đổi số trong thông tin dự báo thị trường, kết nối cung cầu, quản lý nguồn nhân lực và xây dựng cơ sở dữ liệu lao động, việc làm.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, từng bước thu hẹp số lao động trong khu vực phi chính thức, tăng cơ hội việc làm bền vững cho người trong và sau độ tuổi lao động để thích ứng với tốc độ già hóa dân số.

- Mở rộng tín dụng chính sách xã hội nhằm hỗ trợ vốn vay tạo việc làm, sinh kế cho người dân, nhất là người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn.

- Nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 23/5/2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội; Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, phù hợp, đa dạng, hướng tới bảo hiểm xã hội toàn dân, nhất là bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với khu vực nông nghiệp nông thôn, lao động phi chính thức, làm thay đổi nhận thức và thói quen của người dân tham gia bảo hiểm xã hội.

5. Xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội, chính sách an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

5.1. Phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại, hội nhập quốc tế bao phủ được toàn bộ lao động

Triển khai hiệu quả các chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, an toàn, vệ sinh lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong doanh nghiệp theo chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Cụ thể hóa chính sách, pháp luật Nhà nước về BHXH, tiếp tục rà soát, sửa đổi hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật của

tính phù hợp với mục tiêu của công tác BHXH trong tình hình mới; tham gia xây dựng hệ thống pháp luật về chính sách xã hội bảo đảm thống nhất, đồng bộ, khả thi, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tỉnh. Rà soát, bổ sung chỉ tiêu phát triển người tham gia BHXH, BHYT, BHTN vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã. Có chính sách ưu đãi và những quy định cụ thể đối với doanh nghiệp, đơn vị tham gia giải quyết việc làm cho người khuyết tật.

Đổi mới hoạt động bảo hiểm thất nghiệp theo hướng chú trọng đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm cho lao động bị thất nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo kỹ năng, duy trì việc làm cho người lao động để chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp. Chính sách bảo hiểm thất nghiệp phải hỗ trợ cho doanh nghiệp trong việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động để duy trì việc làm bền vững; chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thất nghiệp; nâng cao hiệu quả tư vấn, giới thiệu việc làm, đào tạo để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động thất nghiệp.

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quyết định số 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chỉ tiêu thực hiện bao phủ bảo hiểm y tế giai đoạn 2022-2025. Nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ y tế, chất lượng khám chữa bệnh cho người dân hưởng bảo hiểm y tế.

Hoàn thiện cơ chế quản lý, đầu tư phát triển Quỹ bảo hiểm xã hội, quỹ bảo hiểm thất nghiệp, quỹ bảo hiểm y tế an toàn, hiệu quả, bền vững. Xử lý nghiêm tình trạng nợ, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Ban hành chỉ số đánh giá mức độ hài lòng của người tham gia.

5.2. Hoàn thiện hệ thống trợ giúp xã hội theo hướng quan tâm cả đời sống vật chất và tinh thần

- Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu; mở rộng đối tượng hưởng trợ giúp xã hội đối với người mắc các bệnh hiểm nghèo, người cao tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo, nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu và phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

- Hỗ trợ kịp thời những người có hoàn cảnh khó khăn, người có thu nhập thấp, người cao tuổi, người khuyết tật và gia đình có trẻ em; hỗ trợ hộ gia đình chăm sóc trẻ em; kịp thời cứu trợ cho Nhân dân khi có rủi ro, đột xuất về thiên tai, dịch bệnh góp phần ổn định cuộc sống của người dân.

- Xây dựng hệ thống trợ giúp xã hội linh hoạt; phát triển và đa dạng hoá các dịch vụ trợ giúp xã hội, dịch vụ công tác xã hội chuyên nghiệp. Tạo cơ hội tiếp cận bình đẳng các dịch vụ xã hội cơ bản đối với tất cả người dân.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết về pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp; nâng cao chất lượng hệ thống các cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa.

- Đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

5.3. Tiếp tục triển khai đồng bộ các chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bảo đảm mức sống tối thiểu tăng dân và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân.

Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững và các chương trình, chính sách giảm nghèo theo hướng đa chiều, bao trùm, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ xã hội cơ bản; hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng sinh kế, từng bước nâng cao thu nhập, ổn định cuộc sống lâu dài cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Thường xuyên rà soát nhu cầu thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin) của hộ nghèo, hộ cận nghèo để có giải pháp hỗ trợ kịp thời, phù hợp; huy động nguồn lực đóng góp từ các doanh nghiệp, cộng đồng để hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo về nhà ở, học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ phương tiện tiếp cận thông tin, nước sạch và vệ sinh, y tế,...

Tập trung nguồn lực, nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp an sinh xã hội cho người dân. Ứng dụng các nền tảng số hóa và thế mạnh sẵn có về chuyển đổi số để thực hiện tốt việc bảo đảm an sinh xã hội, giúp cải thiện và ổn định cuộc sống của người dân. Thực hiện đầy đủ và hiệu quả các chính sách, giải pháp giải quyết việc làm cho người lao động gắn với nâng cao chất lượng việc làm, ưu tiên hỗ trợ việc làm, tạo sinh kế, đào tạo nghề; đẩy mạnh công tác giảm nghèo bền vững.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thu hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Về giáo dục

- Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, tiếp cận chuẩn mực của thế giới để nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho địa phương, vùng và cả nước, nhất là đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu lao động của Bắc Ninh trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; đưa Bắc Ninh trở thành một trong các trung tâm đào tạo, nghiên cứu và phát triển hàng đầu của cả nước.

- Làm tốt công tác tuyên truyền để tạo sự đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân đối với các chủ trương đổi mới giáo dục đào tạo. Thực hiện tốt các chính sách phát triển giáo dục và đào tạo. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, không để xảy ra các hiện tượng bạo lực học đường, tai nạn thương tích; thực hiện tốt nền nếp, kỷ cương, dân chủ và quy tắc ứng xử trong trường học; tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị dạy học. Hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân theo hướng mở, công bằng, bình đẳng, thúc đẩy xã hội học tập và tạo cơ hội học tập suốt đời. Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hoá mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học.

- Đầu tư mở rộng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng giáo dục các cấp, các cơ sở giáo dục chuyên biệt đối với người khuyết tật và các trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập theo tiêu chuẩn. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư, phát triển các cơ sở giáo dục, đào tạo ngoài công lập, nhất là cơ sở giáo dục mầm non tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và các trường có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thúc đẩy chủ trương xã hội hoá góp phần hỗ trợ khu vực công thực hiện mục tiêu giáo dục, đào tạo.

6.5. Về nhà ở

Xây dựng, triển khai các chính sách hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở đối với người có công; hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

- Xây dựng hệ thống dịch vụ xã hội có tính liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, phù hợp nhu cầu đa dạng của các nhóm xã hội; chú trọng nâng cao chất lượng các dịch vụ về việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội; phát triển toàn diện dịch vụ công tác xã hội và đội ngũ nhân viên công tác xã hội chuyên nghiệp; phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng.

- Đổi mới đồng bộ các dịch vụ theo hướng hiện đại; quản lý và cung cấp dịch vụ xã hội trên nền tảng số phục vụ người dân và doanh nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng chính sách xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy xã hội hóa, hợp tác công - tư, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, hiện đại hoá và cung ứng dịch vụ xã hội.

- Hàng năm tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ công tác xã hội viên để đáp ứng nhu cầu trợ giúp xã hội của người dân, đạt yêu cầu theo chuẩn đào tạo của Trung ương nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về công tác xã hội từ đó xây dựng được đội ngũ cán bộ, nhân viên trợ giúp xã hội bảo đảm đủ về số lượng, định mức nhân viên và trình độ chuyên môn đạt tiêu chuẩn phù hợp theo quy định của pháp luật về trợ giúp xã hội và cai nghiện ma túy để thực hiện các nhiệm vụ của cơ sở. Đẩy mạnh việc trao đổi, học tập các mô hình cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp xã hội toàn diện ở một số tỉnh bạn để áp dụng tại địa phương; Xây dựng sổ tay, tài liệu hướng dẫn kỹ năng trợ giúp xã hội cho các cơ sở và cán bộ, nhân viên và cộng tác viên trợ giúp xã hội.

- Nghiên cứu, tham mưu xây dựng cơ chế chính sách của tỉnh để phát triển mạng lưới nhân viên, cộng tác viên công tác xã hội; trong đó tập trung phát triển các dịch vụ công tác xã hội đối với trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, giải quyết vấn đề nghèo và những vấn đề xã hội khác. Xây dựng các cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội lồng ghép các chương trình đề án của Chính phủ, của Bộ ngành Trung ương, về người cao tuổi, trợ giúp người khuyết tật, trợ giúp xã hội và

phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bình đẳng giới và phát triển nghề công tác xã hội.

- Nghiên cứu tham mưu Phát triển mạng lưới các cơ sở trợ giúp xã hội công lập và ngoài công lập phù hợp với quy hoạch chung của tỉnh, trong đó tập trung phát triển các mô hình mạng lưới cơ sở cung cấp dịch vụ công tác xã hội trong lĩnh vực y tế, giáo dục, tư pháp và các tổ chức chính trị xã hội

8. Đẩy mạnh hợp tác và tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm quốc tế trong thực hiện chính sách xã hội

Tăng cường hợp tác, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn vốn, nguồn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ kỹ thuật của các nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế cho chính sách xã hội. Đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ hướng tới việc làm bền vững, nâng cao năng suất lao động, bảo đảm an sinh xã hội, trợ giúp xã hội. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực có sức cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao.

Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định về tiêu chuẩn lao động, quan hệ lao động, tiêu chuẩn nghề nghiệp tương thích. Khuyến khích nguồn lực quốc tế hỗ trợ, đầu tư phát triển các dịch vụ xã hội, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh nguồn nước, phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ môi trường.

9. Giám sát, kiểm tra tình hình tổ chức thực hiện

Bám sát các mục tiêu của Nghị quyết 42-NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy, làm cơ sở giám sát thường xuyên và đánh giá định kỳ việc thực hiện Nghị quyết, thống nhất mục tiêu và hành động của các phòng, đơn vị và toàn thể công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành. Giám sát, đánh giá các chương trình, đề án, dự án tiến hành định kỳ 5 năm, hàng năm hoặc đột xuất. Xây dựng, triển khai bộ chỉ tiêu giám sát đánh giá, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, địa phương theo lĩnh vực đã phân công, định kỳ báo cáo cơ quan thường trực theo quy định.

(Các nội dung, nhiệm vụ cụ thể theo phụ lục đính kèm)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp uỷ các Chi bộ trực thuộc Đảng uỷ Sở; Trưởng phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Kế hoạch này gắn với việc quán triệt, triển khai thực hiện tại Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh.

2. Các phòng chuyên môn, đơn vị thuộc Sở chủ động triển khai nhiệm vụ chuyên môn gắn với công tác bảo đảm tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới theo các nhiệm vụ đã nêu tại Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023, Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 09/5/2024 của Chính phủ và Chương trình hành động số 71-CTr/TU, ngày 09/4/2024 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Bắc Ninh (Chi tiết Phân công công việc, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, các chương trình, đề án theo Phụ lục kèm theo Kế hoạch).

3. Giao Văn phòng Sở thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các phòng, đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch này và tổng hợp báo cáo theo quy định; báo cáo cấp thẩm quyền bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Kế hoạch (nếu có).

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch số 246/KH-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện và kịp thời đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết những vấn đề vướng mắc, phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện Chương trình hành động số 71-CTr/TU trước ngày **10/11** hằng năm và báo cáo Chính phủ, các bộ, ban, ngành trung ương theo quy định.

- Tham mưu cho Lãnh đạo Sở báo cáo UBND tỉnh, Ban Cán sự UBND tỉnh đề xuất Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh theo quy định.

Yêu cầu Trưởng các phòng, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng, đơn vị báo cáo kịp thời về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (qua Văn phòng Sở) để xem xét, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c)
- Đảng ủy Sở (b/c);
- Các Chi bộ thuộc Đảng ủy Sở;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở (t/h);
- Các tổ chức đoàn thể thuộc Sở (t/h);
- Cổng Thông tin điện tử Sở;
- Lưu VT; VP.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Nhân Chinh